

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Bà Phạm Thị Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị C, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà..., ngõ ..., tổ ...phường C, quận L, Thành phố Hà Nội (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Ngô Ngọc Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Ch, xã Ph, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Đoàn Thị Ph (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị C trình bày: Chị và anh Ngô Ngọc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) phường C, quận L, Thành phố Hà Nội tổ chức đăng ký và cấp Giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 09/6/2018. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà ở và làm ăn tại phường C, quận L, Thành phố Hà Nội; ngay sau khi kết hôn anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nết nhau, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên cãi nhau. Tháng 8 năm 2019, do mâu thuẫn chị đã về sống cùng bố mẹ đẻ tại phường C, quận L, Thành phố Hà Nội, còn anh Q về quê xã Ph, huyện Gi, tỉnh Hải Dương sống cùng gia đình. Cũng từ đó, hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Q có 01 con là Ngô Phú Tr, sinh ngày 06/7/2018, từ khi vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi con. Chị đề nghị, sau khi ly hôn Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con; chị đang làm công nhân có mức thu nhập ổn định từ 8 đến 10 triệu đồng/tháng, sống cùng bố mẹ đẻ nên đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Ngô Ngọc Q: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh Q đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa lần thứ nhất song anh đều vắng mặt không có lý do.

Tại lời khai, bà Đoàn Thị Ph là mẹ đẻ của anh Q trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung giữa chị C và anh Q đúng như chị C trình bày. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn, chị C đưa con về ở cùng bố mẹ đẻ, còn anh Q về quê ở cùng với bà một thời gian sau đó lại lên Thành phố Hà Nội làm, thỉnh thoảng anh Q mới về thăm bà, anh không nói cho bà biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Bà xác định anh Q đã biết việc chị C khởi kiện xin ly hôn, các giấy tờ của Tòa án gửi cho anh Q, bà đã thông báo và giao đầy đủ cho anh Q. Anh Q có nói là sẽ đến Tòa án làm việc nhưng thực tế đến hay không bà không nắm được. Bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị C theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương xã Ph cung cấp: Địa phương xác định hôn nhân giữa chị C và anh Q đã phát sinh mâu thuẫn, hai người sống ly thân từ lâu, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C theo quy định của pháp luật và giao con cho chị C nuôi dưỡng.

Tại phiên Tòa: Chị C, anh Q vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly

hôn anh Q và đề nghị giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con; anh Q trình bày về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung đúng như nội dung chị C đã trình bày; anh nhất trí ly hôn với chị C và đề nghị Giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị C đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trịnh Thị C ly hôn anh Ngô Ngọc Q; giao con cho chị C nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con; chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh Q đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa lần thứ nhất song anh đều vắng mặt không có lý do; chị C đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, cả chị C, anh Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Chị Trịnh Thị C và anh Ngô Ngọc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND phường C, quận N, Thành phố Hà Nội nơi sinh sống của chị C tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị C và anh Q là hợp pháp.

[3] Do vợ chồng mâu thuẫn, tháng 8 năm 2019 chị C về sống cùng bố mẹ đẻ, anh Q về quê tại huyện Gi sống, hai người ly thân, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ tháng 8 năm 2019 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị C ly hôn anh Q.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con là Ngô Phú Tr, sinh ngày 06/7/2018 hiện chị C đang nuôi dưỡng. Chị đề nghị, Tòa án giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con. HĐXX thấy rằng, hiện chị C làm công nhân, có mức thu nhập ổn định từ 8-10 triệu đồng/tháng, được bố mẹ đẻ hỗ trợ chỗ ăn, ở nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Mặt khác, anh Q cũng đề nghị giao con cho chị C nuôi dưỡng, nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con.

[5] Về quan hệ tài sản, do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị C khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trịnh Thị C ly hôn anh Ngô Ngọc Q.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Trịnh Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Ngô Phú Tr, sinh ngày 06/7/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi (trưởng thành); chấp nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị C không yêu cầu anh Ngô Ngọc Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Ngô Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004478, ngày 19 tháng 4 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị C, anh Ngô Ngọc Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND phường Phương Canh, Q.Nam Từ Liêm;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Quân